

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết  
theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm  
(quy mô liên huyện) giai đoạn 2021-2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính, quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT;*

*Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02/6/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình*

mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh Sơn La, ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt danh mục các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (quy mô liên huyện) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La, về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (quy mô liên huyện) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 442/TTr-SNN ngày 30/8/2023; Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 28/8/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Hồ sơ đăng ký Chủ trì dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện) tại huyện Mộc Châu và huyện Quỳnh Nhai.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện) giai đoạn 2021-2025, với những nội dung như sau:

- 1. Tên dự án liên kết:** Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (quy mô liên huyện).
- 2. Chủ đầu tư:** Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La.
- 3. Đơn vị Chủ trì liên kết:** Chi nhánh Sơn La Công ty Cổ phần Dược Nam Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ Hùng. Chức vụ: Giám đốc Giấy đăng ký kinh doanh số 0108578759-001, ngày cấp lần đầu 21/12/2020, thay đổi lần thứ 2 ngày 16/08/2022.

Địa chỉ: Số 06, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0912.636.245 - Email: [dtnsonla@gmail.com](mailto:dtnsonla@gmail.com)

**4. Các bên liên kết:** Là 45 hộ nông dân tham gia thực hiện dự án, và các hợp tác xã, tổ hợp tác xã là đại diện của các hộ nông dân tham gia được hình thành trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

**5. Thời gian triển khai:** Từ năm 2023 - 2025.

**6. Địa bàn thực hiện:** xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu; xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

**7. Tổng kinh phí, cơ cấu từng nguồn vốn:**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 10.068.650.000 đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ: 4.991.000.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 49,57% tổng vốn thực hiện*). Cụ thể:

- Vốn tham gia của Chủ trì liên kết: 511.674.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 5,08% tổng vốn thực hiện*).

- Vốn tham gia của bên liên kết (các hộ nông dân tham gia dự án): 4.565.976.000 đồng (*chiếm tỷ lệ 45,35% tổng vốn thực hiện, chưa bao gồm công lao động phổ thông*).

**8. Nội dung hoạt động và trách nhiệm của các bên**

**8.1. Nội dung hoạt động**

- Đào tạo tập huấn kỹ thuật sản xuất: Tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án.

- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP, và cấp 02 giấy Chứng nhận VietGAP cho 25 ha sản xuất Đảng sâm của dự án.

- Vật tư trang thiết bị phục vụ sản xuất: Hỗ trợ cây giống, phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm sinh học để trồng và chăm sóc 25 ha Đảng sâm trong 2 chu kỳ sản xuất (2 vụ trồng).

- Xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá (Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường): Hỗ trợ mua bao bì đựng sản phẩm, và in tem nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Quản lý, chỉ đạo:

+ Thẩm định giá, thuê tư vấn đấu thầu.

+ Chi khác: Khảo sát đánh giá xây dựng Chuỗi giá trị; Thuê cán bộ chỉ đạo kỹ thuật; Xây dựng hồ sơ năng lực và hồ sơ thuyết minh dự án, báo cáo tổng kết; Photo, in ấn tài liệu; Chi phí công tác phí quản lý, kiểm tra;...

**8.2. Trách nhiệm thực hiện của các bên**

\* Sở Nông nghiệp và PTNT (*Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh*):

- Là cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền ký hợp đồng với đơn vị Chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cân đối, bố trí kinh phí thực hiện dự án đảm bảo hiệu quả và theo quy định hiện hành.

- Thanh toán, giải ngân vốn cho đơn vị Chủ trì liên kết theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết.

\* Chi nhánh Sơn La Công ty Cổ phần dược Nam Sơn:

- Là đơn vị Chủ trì liên kết, thực hiện các nội dung phát triển sản xuất theo Quyết định phê duyệt, Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả thực hiện dự án.

- Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí kinh phí đối ứng để thực hiện các nội dung, hoạt động của dự án được phê duyệt. Thuê tư vấn cấp 02 Giấy Chứng nhận VietGAP cho 02 vùng sản xuất của dự án.

- Chỉ đạo các hộ tham gia dự án trồng đủ diện tích theo kế hoạch, đất sản xuất là đất nông nghiệp, không xâm phạm diện tích đất lâm nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực triển khai dự án liên kết.

- Thu mua 100% sản lượng lá, ngọn, củ Đảng sâm cho các hộ tham gia dự án. Đảm bảo không ép giá, giá thu mua tối thiểu bằng hoặc cao hơn so với giá thị trường tại thời điểm thu hoạch.

- Đảm bảo việc triển khai dự án khi kết thúc được Hội đồng đánh giá thông qua ở mức "Đạt" trở lên.

\* Các hộ dân tham gia dự án:

- Là bên liên kết, trực tiếp sản xuất ra sản phẩm hàng hoá.

- Có trách nhiệm sử dụng các loại vật tư được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích của dự án.

- Thực hiện đúng quy trình trồng, chăm sóc theo hướng dẫn của đơn vị Chủ trì liên kết.

- Việc mua cây giống, vật tư phân bón đối ứng phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực triển khai dự án liên kết.

- Đối ứng toàn bộ công lao động và các chi phí phát sinh khác để thực hiện thành công các nội dung, hoạt động của dự án.

- Bố trí đất sản xuất tham gia dự án là đất nông nghiệp, không xâm phạm diện tích đất lâm nghiệp, trồng đủ diện tích theo nội dung đăng ký.

- Bán sản phẩm cho đơn vị Chủ trì liên kết theo hợp đồng đã ký.

## 9. Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết

### 9.1. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 1 cho các hộ tham gia dự án (trồng mới 25 ha năm 2023, chăm sóc nửa đầu năm 2024):

+ Hỗ trợ 60,5% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Nhà nước hỗ trợ giống, vật tư sản xuất vụ 2 (trồng mới 25 ha nửa cuối năm 2024, chăm sóc năm 2025) cho các hộ tham gia dự án, gồm:

+ Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây giống;

+ Hỗ trợ 40% kinh phí mua phân hữu cơ, chế phẩm sinh học.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua bao bì và in tem nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 2 Hợp tác xã đại diện cho các hộ dân tham gia dự án.

- Hỗ trợ 100% chi phí thẩm định giá, thuê tư vấn đấu thầu.

Các nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

| TT               | Nội dung hỗ trợ                                  | Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng) | Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng) |
|------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| <b>1</b>         | <b>Giống, vật tư phục vụ sản xuất</b>            | <b>9.299.500</b>                | <b>4.830.524</b>                                       |
| 1.1              | Giống, vật tư sản xuất vụ 1                      | 4.649.750                       | 2.655.624                                              |
|                  | Cây giống                                        | 3.150.000                       | 1.905.750                                              |
|                  | Phân hữu cơ vi sinh                              | 1.250.000                       | 625.000                                                |
|                  | Chế phẩm sinh học                                | 249.750                         | 124.874                                                |
| 1.2              | Giống, vật tư sản xuất vụ 2                      | 4.649.750                       | 2.174.900                                              |
|                  | Cây giống                                        | 3.150.000                       | 1.575.000                                              |
|                  | Phân hữu cơ vi sinh                              | 1.250.000                       | 500.000                                                |
|                  | Chế phẩm sinh học                                | 249.750                         | 99.900                                                 |
| <b>2</b>         | <b>Xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá</b> | <b>194.000</b>                  | <b>97.000</b>                                          |
| -                | Bao bì đựng sản phẩm                             | 144.000                         | 72.000                                                 |
| -                | In Tem nhãn sản phẩm                             | 50.000                          | 25.000                                                 |
| <b>3</b>         | <b>Thẩm định giá, thuê đấu thầu</b>              | <b>63.476</b>                   | <b>63.476</b>                                          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                  | <b>9.556.976</b>                | <b>4.991.000</b>                                       |

### 9.2. Tiến độ cấp phát, sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ:

| Số TT            | Năm      | Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng) | Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng) |
|------------------|----------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1                | Năm 2023 | 4.229.992                       | 2.371.000                                              |
| 2                | Năm 2024 | 5.078.043                       | 2.362.000                                              |
| 3                | Năm 2025 | 760.615                         | 258.000                                                |
| <b>Tổng cộng</b> |          | <b>10.068.650</b>               | <b>4.991.000</b>                                       |

### 9.3. Thanh toán ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Hàng năm chủ đầu tư tạm ứng 30% kinh phí nhà nước hỗ trợ cho đơn vị Chủ trì liên kết sau khi ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

- Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ căn cứ vào kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ hàng năm.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 và các năm tiếp theo của giai đoạn 2021-2025 (hoặc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương); dân góp; doanh nghiệp đối ứng; các nguồn vốn hợp pháp khác.

### 9.4. Dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ:

*(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)*

## 10. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án

### 10.1. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách

- Năm 2023: Tổ chức trồng 25 ha Đẳng sâm (vụ 1), đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.

- Năm 2024:

+ Thu hoạch và tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm vụ 1, gồm: Dự kiến năng suất là 250 tấn lá, ngọn cây Đẳng sâm, và 150 tấn củ Đẳng sâm.

+ Cấp 2 giấy Chứng nhận VietGAP cho diện tích trồng Đẳng sâm của dự án.

+ Tiếp tục tổ chức trồng vụ 2 đối với 25 ha Đẳng sâm sau khi thu hoạch vụ 1, đạt 100% diện tích, tỷ lệ sống đạt tối thiểu 85%.

- Năm 2025: Thu hoạch và tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm vụ 2, gồm: Dự kiến năng suất là 250 tấn lá, ngọn cây Đẳng sâm, và 150 tấn củ Đẳng sâm.

### 10.2. Dự kiến kết quả thực hiện đến thời điểm kết thúc dự án

- Xây dựng thành công chuỗi giá trị sản phẩm cây dược liệu – Đẳng Sâm với quy mô diện tích 25 ha, được hỗ trợ thực hiện 2 chu kỳ sản xuất trong giai đoạn từ năm 2023-2025 tại huyện Quỳnh Nhai, và huyện Mộc Châu. Cấp giấy Chứng nhận VietGAP cho 25 ha Đẳng sâm của dự án.

- Định hướng phát triển sản xuất cho 45 hộ nông dân, tạo việc làm cho 175 lao động tại địa phương, năng suất đạt tối thiểu 6 tấn củ/ha/vụ và 10 tấn lá ngon/ha/vụ, hiệu quả kinh tế đạt trung bình khoảng 261 triệu đồng/ha/vụ, thu nhập bình quân đạt 145 triệu đồng/hộ/vụ.

- Đảm bảo tỷ lệ 57,8% tổng số hộ dân tham gia dự án là đối tượng đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Đảm bảo 100% sản lượng ngọn, lá, và củ của cây Đảng Sâm được tiêu thụ ở thị trường trong nước và xuất khẩu, sản phẩm tạo ra được gắn tem nhãn truy xuất nguồn gốc.

### **11. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm giống cây trồng, vật tư đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước**

Giao đơn vị chủ trì liên kết tự thực hiện việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất để cấp phát cho các đối tượng tham gia dự án. Hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch đấu thầu theo quy định. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định.

Đơn vị Chủ trì liên kết được cung cấp cây giống cho các hộ tham gia dự án theo quy định cấp phép tự sản xuất của cấp có thẩm quyền; Đối với các loại vật tư không được cấp phép tự sản xuất, thì đơn vị Chủ trì liên kết thực hiện mua sắm theo Luật đấu thầu và các quy định hiện hành của nhà nước.

### **12. Nội dung và chi phí nhà nước hỗ trợ cho hộ gia đình tham gia dự án**

#### **12.1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình tham gia dự án**

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 2 chu kỳ sản xuất (2 vụ sản xuất) nhằm giúp các hộ tham gia ổn định sản xuất và tạo tính bền vững của liên kết. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

| <b>Số TT</b>     | <b>Nội dung hỗ trợ</b>      | <b>Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng)</b> | <b>Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng)</b> |
|------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1                | Giống, vật tư sản xuất vụ 1 | 4.649.750                              | 2.655.624                                                     |
|                  | <i>Cây giống</i>            | <i>3.150.000</i>                       | <i>1.905.750</i>                                              |
|                  | <i>Phân hữu cơ vi sinh</i>  | <i>1.250.000</i>                       | <i>625.000</i>                                                |
|                  | <i>Chế phẩm sinh học</i>    | <i>249.750</i>                         | <i>124.874</i>                                                |
| 2                | Giống, vật tư sản xuất vụ 2 | 4.649.750                              | 2.174.900                                                     |
|                  | <i>Cây giống</i>            | <i>3.150.000</i>                       | <i>1.575.000</i>                                              |
|                  | <i>Phân hữu cơ vi sinh</i>  | <i>1.250.000</i>                       | <i>500.000</i>                                                |
|                  | <i>Chế phẩm sinh học</i>    | <i>249.750</i>                         | <i>99.900</i>                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                             | <b>9.299.500</b>                       | <b>4.830.524</b>                                              |

### 12.2. Hỗ trợ gián tiếp cho các hộ gia đình tham gia dự án

Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bao bì đóng gói sản phẩm và in tem nhãn truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho tổ chức Hợp tác xã là đại diện cho các hộ dân tham gia được hình thành trong quá trình thực hiện dự án, nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của dự án. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

| Số TT            | Nội dung hỗ trợ      | Tổng vốn thực hiện (nghìn đồng) | Trong đó vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nghìn đồng) |
|------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1                | Bao bì đựng sản phẩm | 144.000                         | 72.000                                                 |
| 2                | In Tem nhãn sản phẩm | 50.000                          | 25.000                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                      | <b>194.000</b>                  | <b>97.000</b>                                          |

### 13. Tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ: Không có.

### 14. Phương án xử lý các rủi ro

Đơn vị Chủ trì liên kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với những rủi ro trong quá trình thực hiện đầu tư dự án kể từ thời gian ký hợp đồng đến hết thời gian bảo hành các nội dung, hạng mục thuộc dự án.

Đối với các trường hợp rủi ro bất khả kháng (*như: thiên tai, dịch hoạ,...*) đơn vị Chủ trì liên kết không phải bồi thường thiệt hại, không bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, Chủ trì liên kết phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của sự kiện rủi ro bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền bồi hoàn các khoản kinh phí, phụ phí cần thiết và hợp lý mà Chủ trì liên kết phải gánh chịu.

### 15. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

#### 15.1. Chế tài xử lý:

- Dự án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì đơn vị Chủ trì liên kết được thanh toán đầy đủ kinh phí theo quy định.

- Trong trường hợp dự án đã kết thúc, nhưng nghiệm thu ở mức “Không đạt” thì đơn vị Chủ trì liên kết có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng theo quy định hiện hành.

- Dự án bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng bị chấm dứt do đơn vị Chủ trì liên kết không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu dự án theo quy định pháp luật, thì đơn vị Chủ trì liên kết có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng theo quy định hiện hành.

- Dự án không hoàn thành do vấn đề bố trí nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng hoặc lý do khác từ phía nhà nước; các rủi ro bất khả kháng (*như: thiên tai, dịch hoạ,...*) dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng, thì đơn vị Chủ trì liên kết không phải hoàn trả số kinh phí đã sử dụng thực hiện dự án.

#### 15.2. Cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Không có.

(Có Thuyết minh dự án chi tiết kèm theo)



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Văn phòng Điều phối nông thôn mới*) tổ chức ký hợp đồng thực hiện với đơn vị Chủ trì liên kết đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (*quy mô liên huyện*), tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo với Thường trực UBND tỉnh.

- Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ hàng năm. Quản lý cấp phát, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ cho đơn vị Chủ trì liên kết theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**2.** Đơn vị Chủ trì liên kết: Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng nội dung được UBND tỉnh phê duyệt và hợp đồng ký kết với chủ đầu tư để triển khai đảm bảo tiến độ. Tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo với chủ đầu tư.

**3.** UBND các huyện, xã thực hiện dự án: Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị Chủ trì liên kết tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng trình tự, thủ tục của nhà nước và các văn bản hướng dẫn đảm bảo theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai nội dung hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa đơn vị Chủ trì liên kết với các tổ chức hợp tác xã và các hộ dân tham gia.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện Mộc Châu, Quỳnh Nhai; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 10b.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**

**PHỤ LỤC DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Theo từng nội dung, hoạt động được nhà nước hỗ trợ dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu: Đảng sâm (*quy mô liên huyện*)”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| T<br>T     | Nội dung                                                                      | Đơn<br>vị | Số lượng  | Đơn<br>giá | Tổng kinh<br>phí thực<br>hiện | Trong đó<br>vốn hỗ trợ từ<br>ngân sách<br>nhà nước | Ngân sách nhà nước hỗ trợ<br>từng năm |                  |                | Căn cứ                                                                                                                      |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                               |           |           |            |                               |                                                    | Năm<br>2023                           | Năm<br>2024      | Năm<br>2025    |                                                                                                                             |
| <b>A</b>   | <b>HỖ TRỢ GIỐNG, VẬT TƯ</b>                                                   |           |           |            | <b>9.299.500</b>              | <b>4.830.524</b>                                   | <b>2.343.187</b>                      | <b>2.237.387</b> | <b>249.950</b> |                                                                                                                             |
| <b>I</b>   | <b>Nguyên vật liệu thực hiện trồng, chăm sóc năm 2023</b>                     | <b>Ha</b> | <b>25</b> |            | <b>4.024.875</b>              | <b>2.343.187</b>                                   | <b>2.343.187</b>                      |                  |                |                                                                                                                             |
|            | Cây giống (84.000 cây/ha)                                                     | Cây       | 2.100.000 | 1,5        | 3.150.000                     | 1.905.750                                          | 1.905.750                             |                  |                | - Định mức số lượng theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/2/2022.<br>- Nội dung hỗ trợ theo Nghị định 38/2023 /NĐ-CP ngày 24/6/2023 |
|            | Phân hữu cơ vi sinh (3.000 kg/ha)                                             | Kg        | 75.000    | 10         | 750.000                       | 375.000                                            | 375.000                               |                  |                |                                                                                                                             |
|            | Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)                                    | Lít       | 375       | 333        | 124.875                       | 62.437                                             | 62.437                                |                  |                |                                                                                                                             |
| <b>II</b>  | <b>Nguyên vật liệu thực hiện năm 2024</b>                                     |           |           |            | <b>4.649.750</b>              | <b>2.237.387</b>                                   |                                       | <b>2.237.387</b> |                |                                                                                                                             |
| <b>1</b>   | <b>Nguyên vật liệu chăm sóc diện tích đã trồng năm 2023</b>                   | <b>Ha</b> | <b>25</b> |            | <b>624.875</b>                | <b>312.437</b>                                     |                                       | <b>312.437</b>   |                |                                                                                                                             |
|            | Phân hữu cơ vi sinh (2.000 kg/ha)                                             | Kg        | 50.000    | 10         | 500.000                       | 250.000                                            |                                       | 250.000          |                |                                                                                                                             |
|            | Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)                                    | Lít       | 375       | 333        | 124.875                       | 62.437                                             |                                       | 62.437           |                |                                                                                                                             |
| <b>2</b>   | <b>Nguyên vật liệu trồng vụ 2 năm 2024</b>                                    | <b>Ha</b> | <b>25</b> |            | <b>4.024.875</b>              | <b>1.924.950</b>                                   |                                       | <b>1.924.950</b> |                |                                                                                                                             |
|            | Cây giống (84.000 cây/ha)                                                     | Cây       | 2.100.000 | 1,5        | 3.150.000                     | 1.575.000                                          |                                       | 1.575.000        |                |                                                                                                                             |
|            | Phân hữu cơ vi sinh (3.000 kg/ha)                                             | Kg        | 75.000    | 10         | 750.000                       | 300.000                                            |                                       | 300.000          |                |                                                                                                                             |
|            | Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)                                    | Lít       | 375       | 333        | 124.875                       | 49.950                                             |                                       | 49.950           |                |                                                                                                                             |
| <b>III</b> | <b>Nguyên vật liệu thực hiện năm 2025 (chăm sóc diện tích trồng năm 2024)</b> | <b>Ha</b> | <b>25</b> |            | <b>624.875</b>                | <b>249.950</b>                                     |                                       |                  | <b>249.950</b> |                                                                                                                             |
|            | Phân hữu cơ vi sinh (2.000 kg/ha)                                             | Kg        | 50.000    | 10         | 500.000                       | 200.000                                            |                                       |                  | 200.000        |                                                                                                                             |
|            | Chế phẩm sinh học (5 triệu/ha = 15 lít/ha)                                    | Lít       | 375       | 333        | 124.875                       | 49.950                                             |                                       |                  | 49.950         |                                                                                                                             |

| T<br>T      | Nội dung                                                | Đơn<br>vị | Số lượng | Đơn<br>giá | Tổng kinh<br>phí thực<br>hiện | Trong đó<br>vốn hỗ trợ từ<br>ngân sách<br>nhà nước | Ngân sách nhà nước hỗ trợ<br>từng năm |                  |                | Căn cứ                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------|---------------------------------------------------------|-----------|----------|------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                         |           |          |            |                               |                                                    | Năm<br>2023                           | Năm<br>2024      | Năm<br>2025    |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>B</b>    | <b>XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CHO<br/>SẢN PHẨM</b>             |           |          |            | <b>194.000</b>                | <b>97.000</b>                                      |                                       | <b>97.000</b>    |                | - Theo Nghị<br>định 38/2023<br>/NĐ-CP của<br>Chính phủ.<br>Thông tư<br>55/2023 /TT-<br>BTC ngày<br>15/8/2023<br>của Bộ Tài<br>Chính.<br>- Tổng mức<br>chi không<br>quá 100<br>triệu/HTX<br>theo Mục 8<br>Biểu số 02<br>Nghị quyết<br>số 128/2020<br>/NQ-HĐND<br>tỉnh |
| 1           | Bao bì đựng sản phẩm (400 kg túi<br>lưới/1 HTX x 2 HTX) | Kg        | 800      | 180        | 144.000                       | 72.000                                             |                                       | 72.000           |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2           | In Tem nhãn sản phẩm (50.000 cái/1<br>HTX x 2 HTX)      | Cái       | 100.000  | 0,5        | 50.000                        | 25.000                                             |                                       | 25.000           |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>C</b>    | <b>THẨM ĐỊNH GIÁ, THUÊ TƯ VẤN<br/>ĐẦU THẦU</b>          |           |          |            | <b>63.476</b>                 | <b>63.476</b>                                      | <b>27.813</b>                         | <b>27.613</b>    | <b>8.050</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>TỔNG</b> |                                                         |           |          |            | <b>9.556.976</b>              | <b>4.991.000</b>                                   | <b>2.371.000</b>                      | <b>2.362.000</b> | <b>258.000</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                      |

Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ là: Bốn tỷ, chín trăm chín một triệu đồng chẵn./.